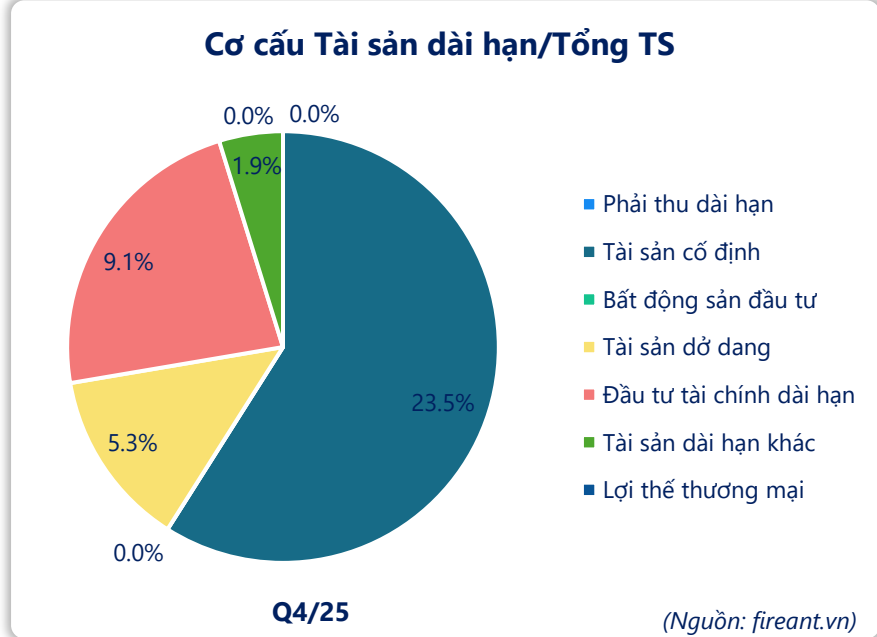
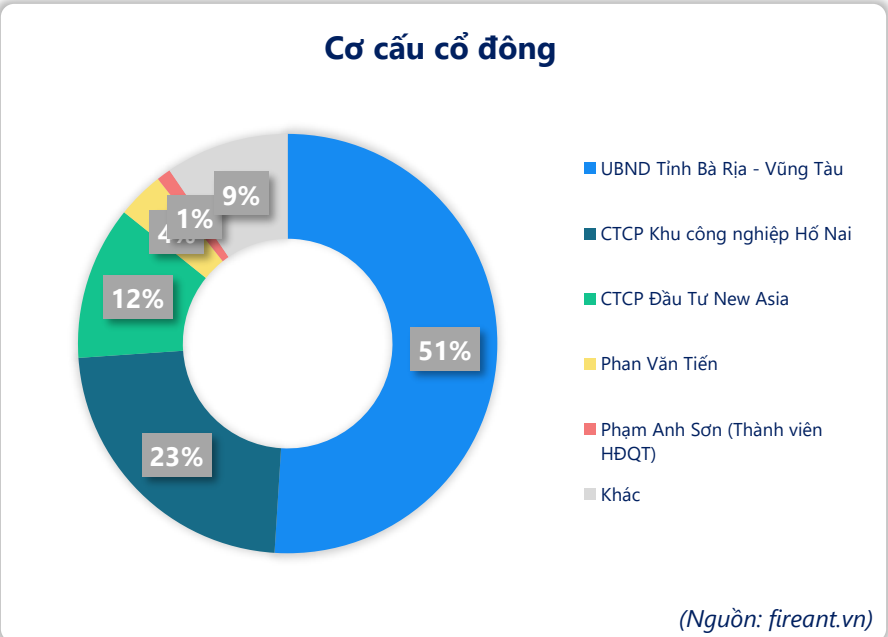
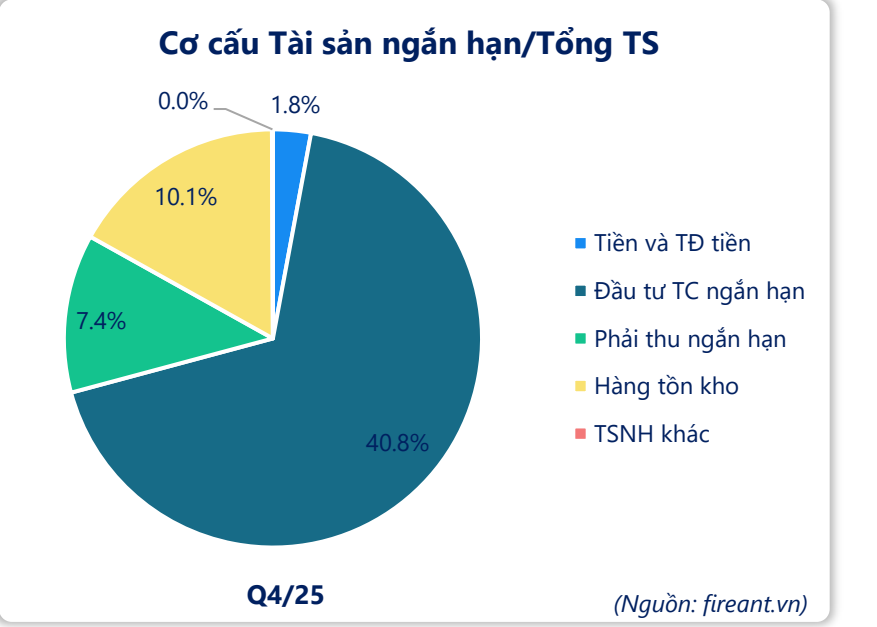
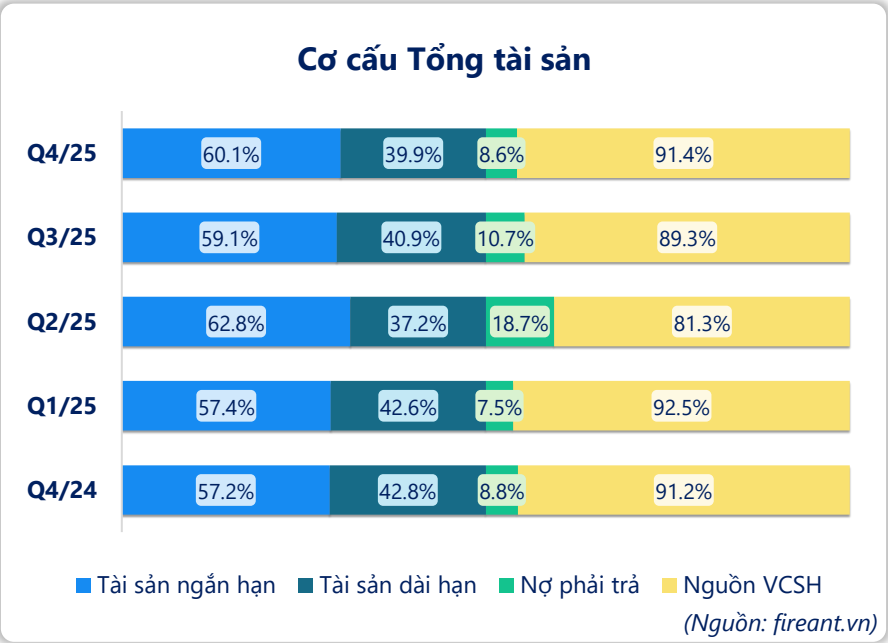
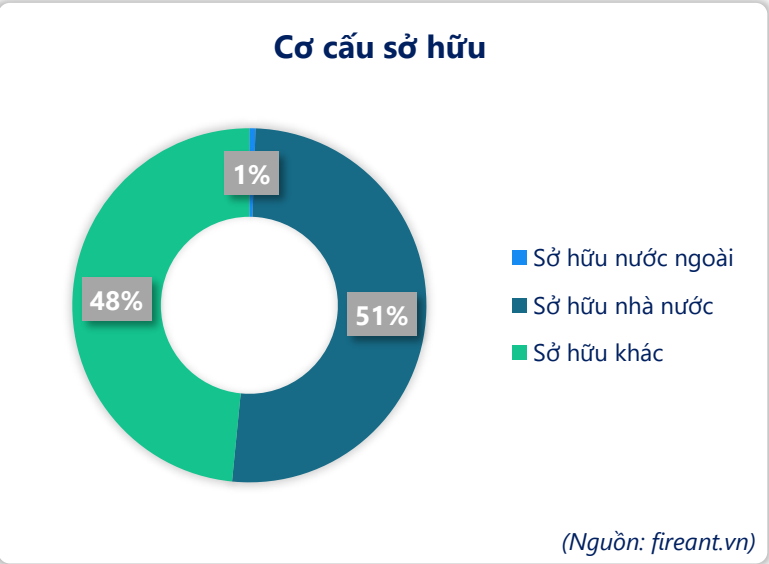
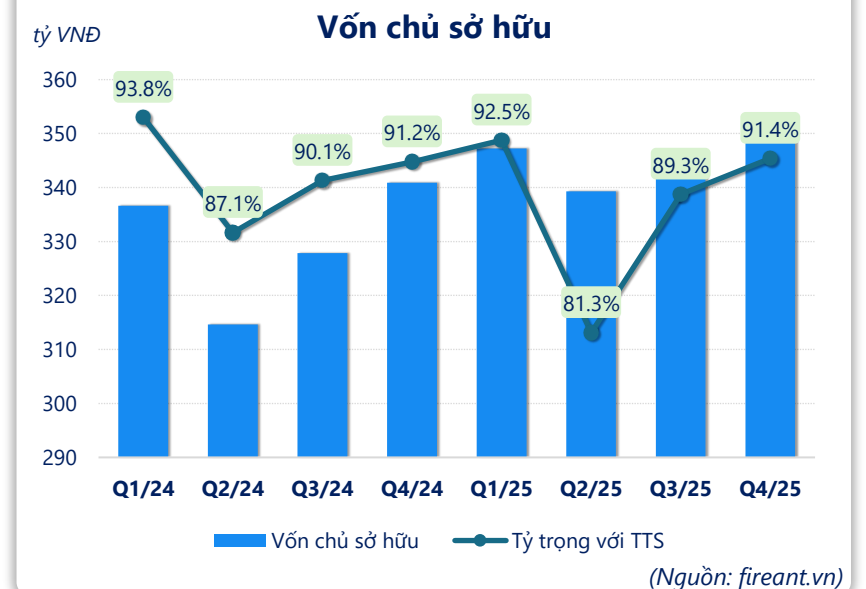
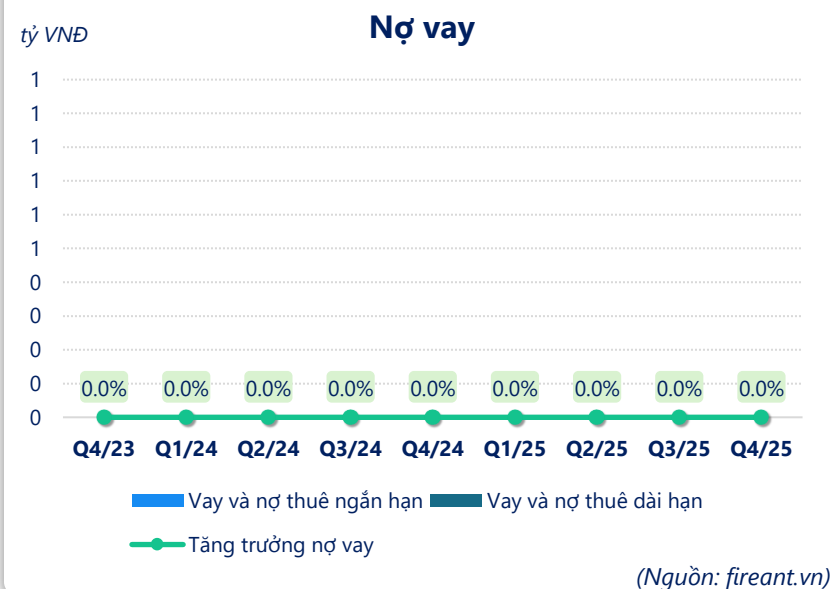
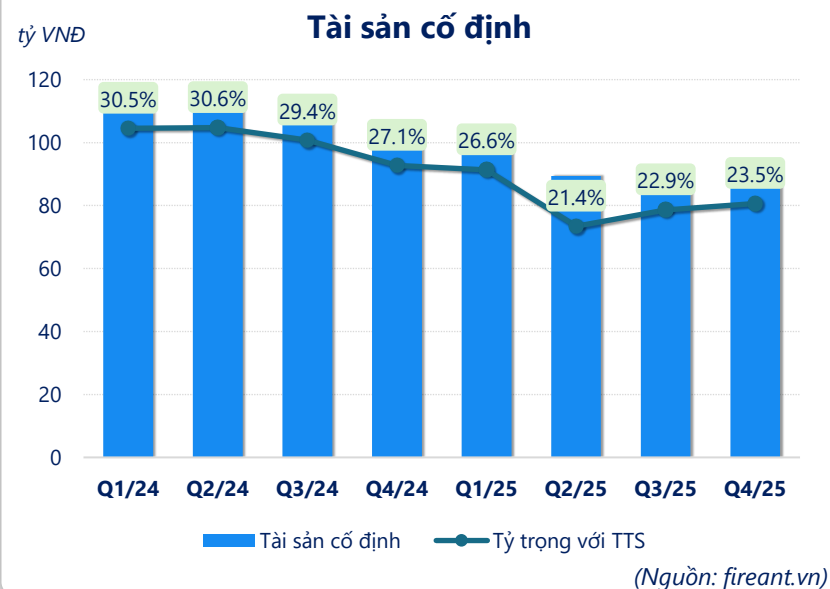
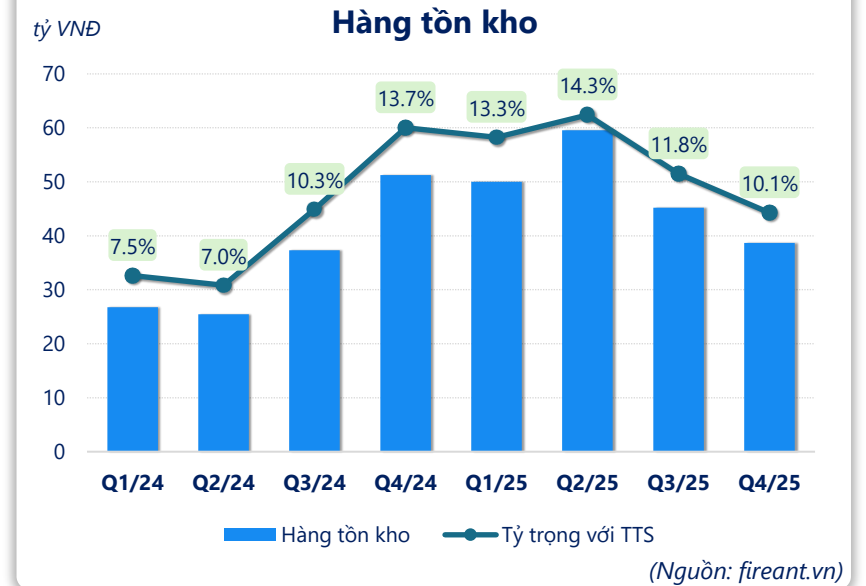
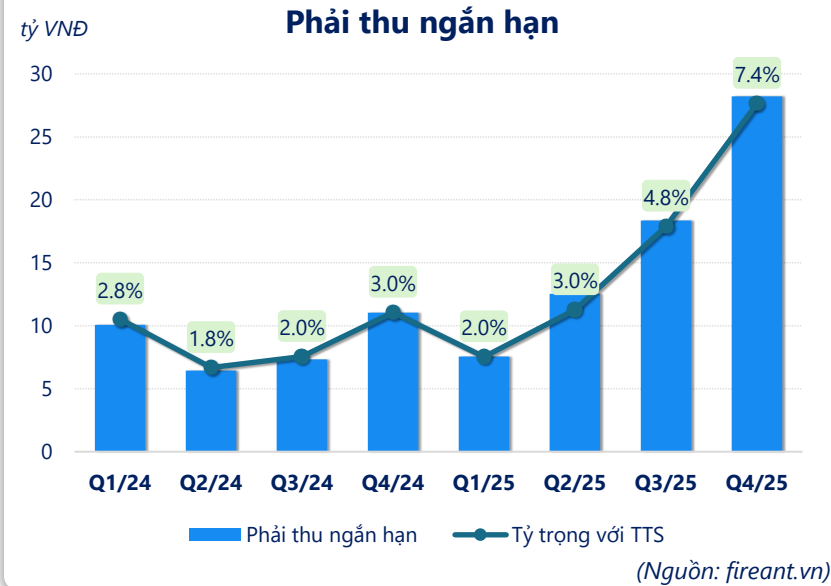
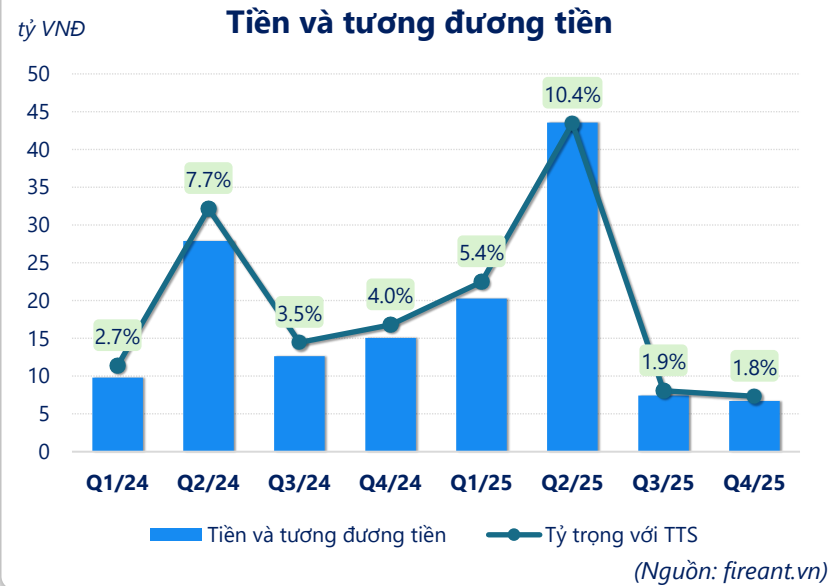
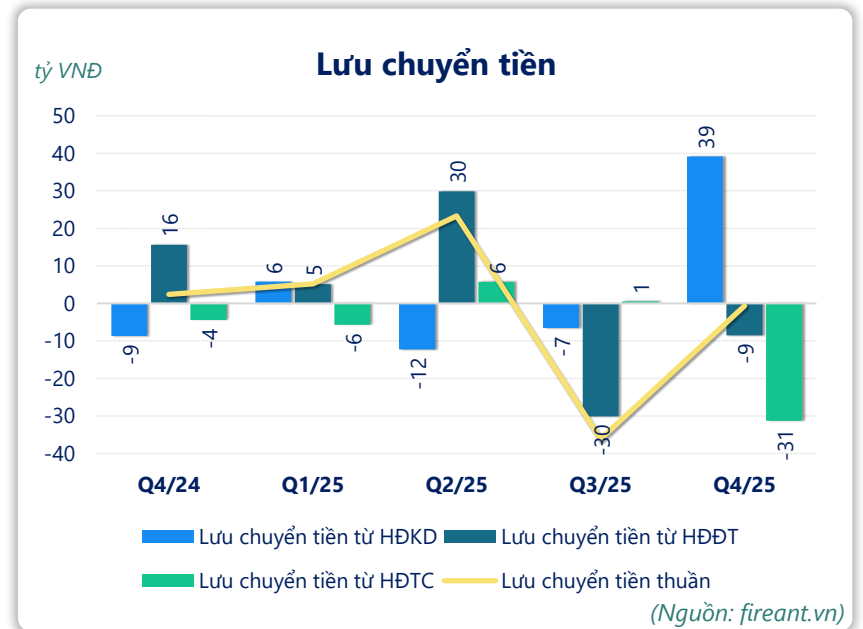
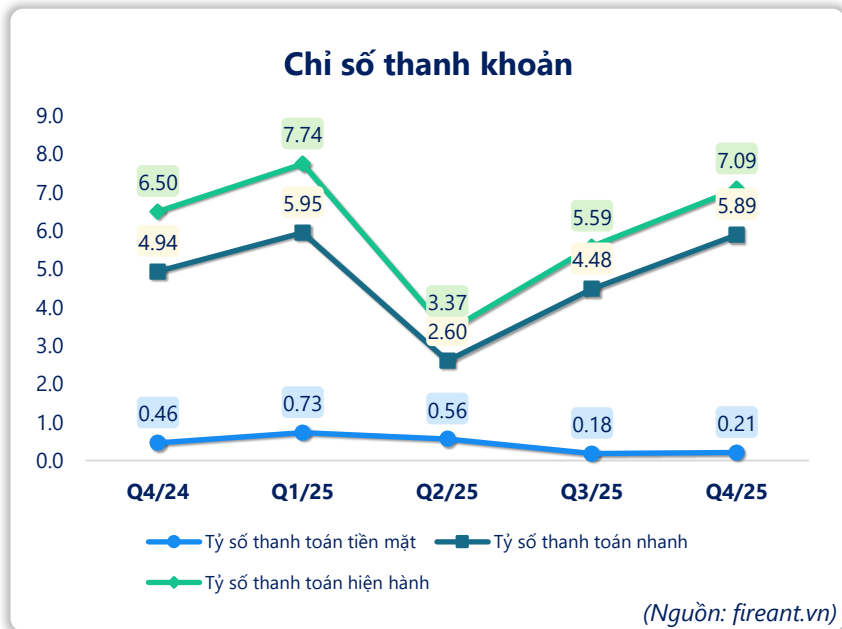
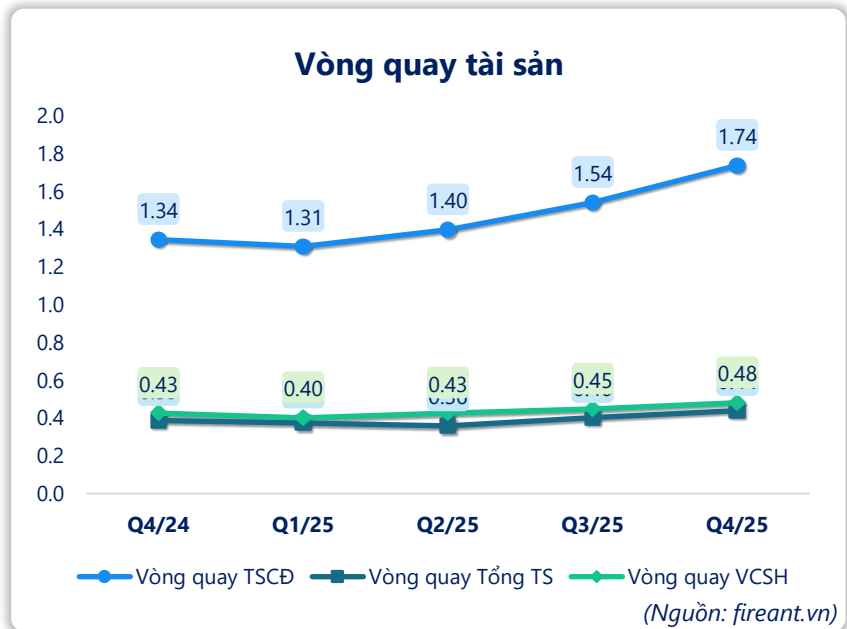
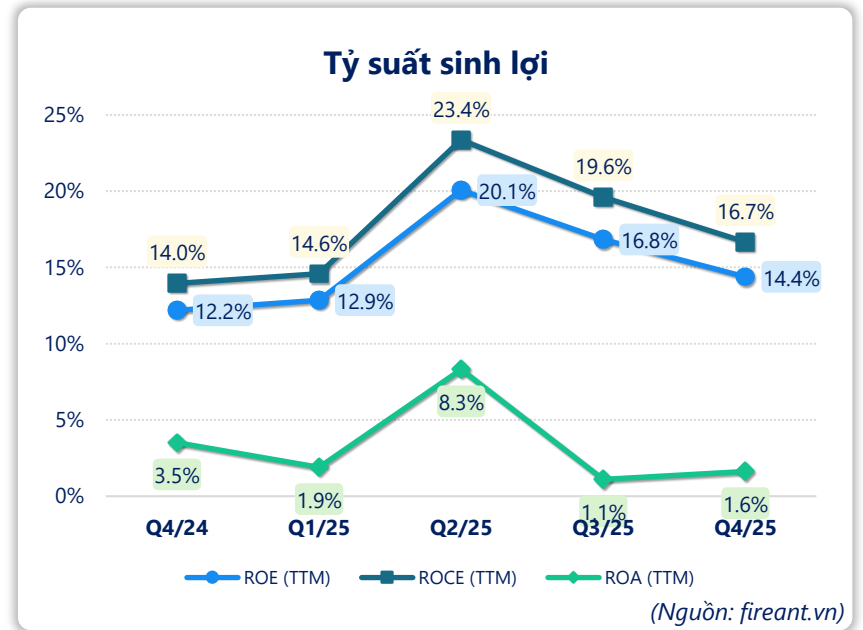
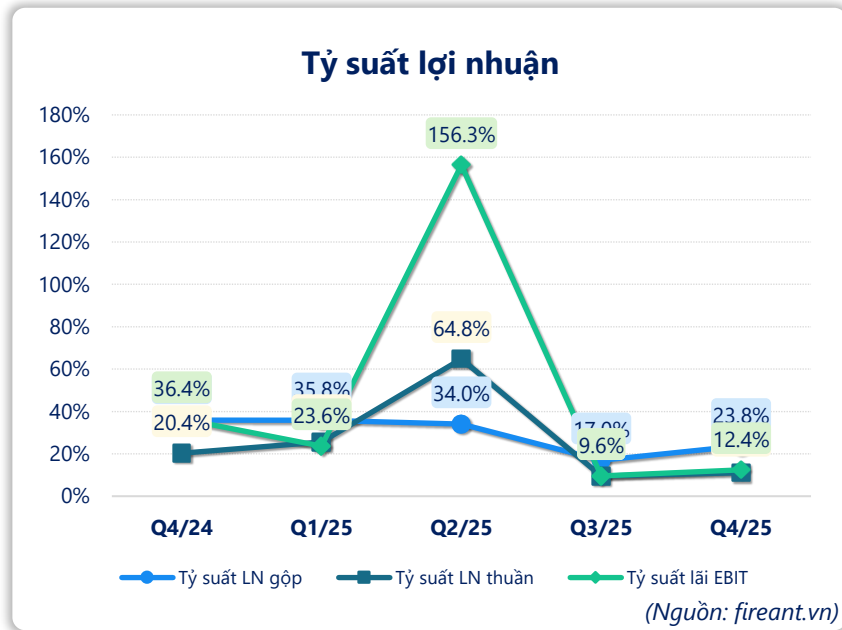
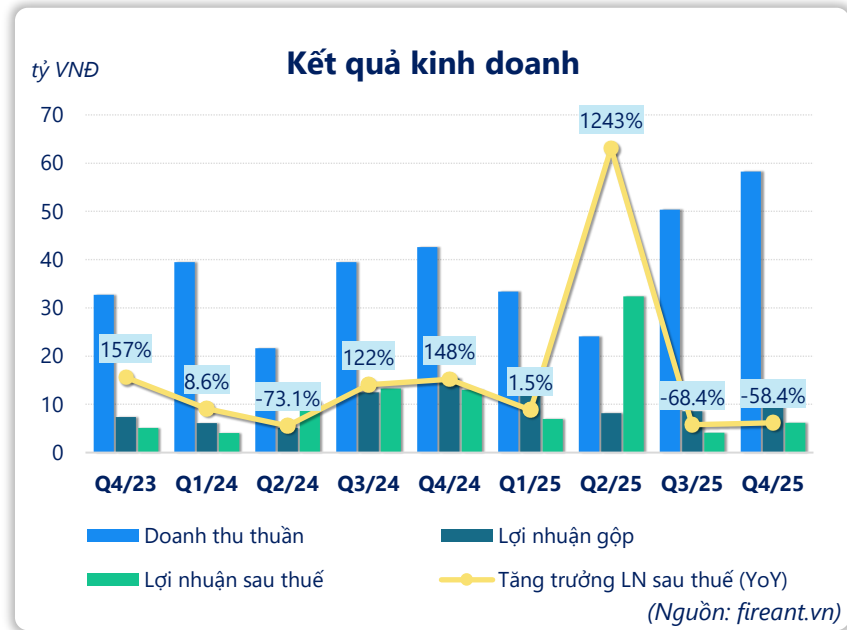


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		32,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		36,011
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		25,960
SL cổ phiếu LH		19,250,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		645
% sở hữu nước ngoài		0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		628
P/E		12.6
EPS		2,579

	YTD	1T	3T	6T
TNC	0.8%	13.2%	10.5%	15.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	382	373	2.4%
Tài sản ngắn hạn	230	213	7.7%
Tiền và tương đương tiền	6.73	15.1	-55.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	156	136	14.7%
Phải thu ngắn hạn	28.2	10.8	161%
Hàng tồn kho	38.7	51.3	-24.5%
Tài sản ngắn hạn khác	0.17	0.18	-2.4%
Tài sản dài hạn	153	160	-4.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	90.0	102	-12.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	20.3	17.1	18.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	34.9	33.1	5.4%
Tài sản dài hạn khác	7.29	7.30	-0.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	32.8	33.1	-0.7%
Nợ ngắn hạn	32.4	32.7	-0.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.69	2.93	-8.3%
Nợ dài hạn	0.39	0.39	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	350	340	2.7%
Vốn chủ sở hữu	350	340	2.7%
Vốn điều lệ	193	193	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	42.6	33.3	24.1	50.3	58.2
Giá vốn hàng bán	27.3	21.4	15.9	41.8	44.4
Lợi nhuận gộp	15.3	11.9	8.18	8.54	13.8
Doanh thu HĐTC	1.68	1.66	11.4	1.95	2.22
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.21	2.62	1.30	3.45	2.32
Chi phí QLDN	6.09	2.44	2.72	2.23	7.24
LN thuần từ HĐKD	8.68	8.54	15.6	4.80	6.49
Lợi nhuận khác	6.83	-0.66	22.0	0.02	0.72
LN trước thuế	15.5	7.88	37.6	4.82	7.21
Lợi nhuận sau thuế	13.0	6.99	32.3	4.14	6.18
LNST của CĐ cty mẹ	13.0	6.99	32.3	4.14	6.18

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-8.71	5.80	-12.3	-6.58	39.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	15.6	5.14	29.9	-30.1	-8.50
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.47	-5.73	5.72	0.54	-31.3
Tiền đầu kỳ	12.6	15.1	20.3	43.6	7.43
Lưu chuyển tiền thuần	2.43	5.21	23.3	-36.1	-0.70
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	15.1	20.3	43.6	7.43	6.73

(Nguồn: fireant.vn)